

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	6 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9 - 10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 13
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	14
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	15 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và được cấp các Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Điện thoại : +84 1900633059
- Fax : +84 (024) 3577 1741

Công ty có Văn phòng đại diện tại Phòng 1110, Tầng 11 Toà nhà Deutsches Haus, số 33 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đặng Thị Lan Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Ông Phí Văn Thịnh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Bà Ngô Thị Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Anh Tuấn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Trọng Quyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Huy Minh	Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 11 năm 2024
Bà Trần Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 8 năm 2024
Bà Phan Thị Hoài Thu	Kế toán trưởng	Ngày 01 tháng 10 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Huy Minh (từ ngày 23 tháng 5 năm 2025) và Ông Phí Văn Thịnh (đến ngày 22 tháng 5 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

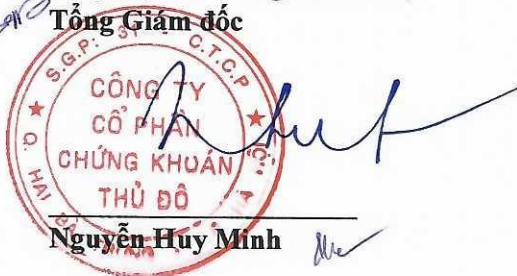
Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Minh

Ngày 12 tháng 8 năm 2025

Số 2.0491/25/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, đồng thời Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh VI.3 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2025, Công ty đang ghi nhận “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)” đối với 475.960 trái phiếu chưa niêm yết mã HQNCH2124005 do Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn phát hành, có giá trị ghi sổ 47.600.784.877 VND (không thay đổi so với đầu năm). Lô trái phiếu này được Công ty nhận chuyển nhượng tại các thời điểm 30/5/2024 với giá mua 100.004/trái phiếu và 01/6/2024 với giá mua bằng mệnh giá (100.000 VND/trái phiếu). Tại thời điểm Công ty nhận chuyển nhượng, trái phiếu đã quá hạn thanh toán theo kỳ hạn gốc (Kỳ hạn gốc: 36 tháng, từ ngày 26/5/2021 đến ngày 26/5/2024) và được gia hạn (Kỳ hạn mới: 48 tháng, đến ngày 26/5/2025). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp về việc trái phiếu này đáp ứng các tiêu chí ghi nhận “Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)” như quy định tại Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp)

Ngoài ra, trái phiếu này đã đáo hạn tại ngày 26/5/2025 nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo này vẫn chưa được thanh toán. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về giá trị hợp lý của trái phiếu này, số lãi/lỗ cần ghi nhận liên quan đến đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (nếu có), cũng như không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh VI.4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải thu Công ty Cổ phần Dịch vụ giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn và Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Investment với số dư nợ lần lượt là 23.966.260.713 VND và 12.492.602.741 VND; và số dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu lần lượt là (6.249.520.100) VND và (377.493.161) VND. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu này, số dự phòng suy giảm giá trị cần ghi nhận bổ sung (nếu có), cũng như không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh VI.4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 01/01/2025, Công ty đang theo dõi các khoản trả trước tiền mua trái phiếu cho các cá nhân, số tiền 155.750.000.000 VND. Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025, khi kết thúc thời hạn hợp đồng, Công ty từ chối giao dịch, yêu cầu các cá nhân hoàn trả lại tiền cho Công ty; sau đó, tiếp tục ký kết các hợp đồng mới, thực hiện trả trước và nhận lại tiền hoàn trả khi kết thúc hợp đồng, với tổng số tiền trả trước và nhận lại trong kỳ là 355.750.000.000 VND. Chúng tôi không thể đưa ra kết luận về cơ sở kinh tế của các giao dịch này, cũng như không xác định được ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các chỉ tiêu có liên quan trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ đô tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ vào ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vào ngày 01 tháng 03 năm 2025 với cùng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		338.452.697.898	355.287.304.225
I. Tài sản tài chính	110		337.828.965.359	354.026.597.380
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	VI.1	260.161.310.195	108.694.846.611
1.1 Tiền	111.1		4.277.310.195	108.524.846.611
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		255.884.000.000	170.000.000
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	VI.3	47.600.784.877	47.600.784.877
3. Các khoản phải thu	117	VI.4	147.024.991	147.024.991
3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		147.024.991	147.024.991
3.1.2 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		147.024.991	147.024.991
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	1		147.024.991	147.024.991
4. Trả trước cho người bán	118	VI.4	-	155.831.000.000
5. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	VI.4	36.546.858.557	48.379.954.162
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	VI.4	(6.627.013.261)	(6.627.013.261)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		623.732.539	1.260.706.845
1. Tạm ứng	131		11.000.000	-
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	VI.5a	518.611.045	167.218.146
3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		54.050.000	5.650.000
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	VI.12	40.071.494	1.087.838.699
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.567.776.516	6.724.906.237
I. Tài sản cố định	220		4.870.921.363	6.038.913.726
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	2.807.828.010	3.455.116.656
- Nguyên giá	222		8.135.975.673	8.135.975.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.328.147.663)	(4.680.859.017)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.7	2.063.093.353	2.583.797.070
- Nguyên giá	228		5.483.120.000	5.483.120.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(3.420.026.647)	(2.899.322.930)
II. Tài sản dài hạn khác	250		696.855.153	685.992.511
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		214.498.200	162.468.200
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	VI.5b	262.483.696	306.450.124
3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	VI.8	219.873.257	217.074.187
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		344.020.474.414	362.012.210.462

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.480.738.447	39.374.832.087
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		17.480.738.447	39.374.832.087
1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	311	VI.9	14.029.000.000	32.914.000.000
1.1. Vay ngắn hạn	312		14.029.000.000	32.914.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	VI.10	814.100.319	836.050.611
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	VI.11	462.654.338	365.027.160
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		3.250.000	4.249.400
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	VI.12	165.791.315	304.295.625
6. Phải trả người lao động	323		1.003.798.764	1.305.826.610
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324	VI.13	399.468.310	380.184.870
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	VI.14	555.832.796	3.088.039.142
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		43.613.605	174.980.509
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329		3.229.000	2.178.160
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		326.539.735.967	322.637.378.375
I. Vốn chủ sở hữu	410		326.539.735.967	322.637.378.375
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		306.785.002.897	306.785.002.897
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		300.000.000.000	300.000.000.000
a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		300.000.000.000	300.000.000.000
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	411.2		6.785.002.897	6.785.002.897
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		19.754.733.070	15.852.375.478
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		19.754.733.070	15.852.375.478
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		344.020.474.414	362.012.210.462

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	004	VII.1	6.053.584.052	6.053.584.052
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	006		30.000.000	30.000.000
3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	012		47.596.000.000	47.596.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		9.350.060.000	6.596.110.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		9.350.060.000	6.596.110.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		105.445.300.000	105.446.500.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		105.445.300.000	105.446.500.000
3. Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	023		40.120.000	-
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư	024.b	VII.2	2.852.404.000.000	3.091.925.600.000
5. Tiền gửi của khách hàng	026		157.560.058	223.756.609
5.1. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027		104.262.653	170.459.204
5.2. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		53.297.405	53.297.405
6. Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031		104.262.653	170.459.204
6.1. Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1		104.262.653	170.459.204
7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		53.297.405	53.297.405

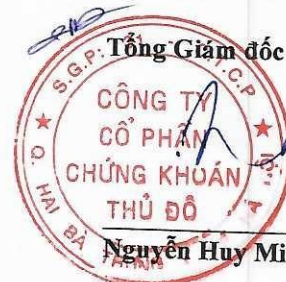
Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu



Nguyễn Huy Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		9.528.189	2.596.998.677
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VIII.1	-	147.311.221
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2		-	917.440.011
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VIII.2	9.528.189	1.532.247.445
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VIII.2	206.815	25.061
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VIII.3	32.369.369	20.040.211
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VIII.3	16.536.463.809	20.262.691.075
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VIII.3	68.181.819	-
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11	VIII.3	261.313.871	92.137.486
Cộng doanh thu hoạt động	20		16.908.063.872	22.971.892.510
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		4.160.000	1.139.676.000
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	VIII.1	4.160.000	1.139.676.000
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26		228.969.188	72.796.957
2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VIII.4	2.377.564.247	3.248.321.997
2.5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		58.000.002	58.000.002
2.6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.351.408.552	9.464.685.259
2.7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		277.281.286	283.656.196
2.8. Chi phí các dịch vụ khác	32		146.405.478	128.317.382
Cộng chi phí hoạt động	40		4.443.788.753	14.395.453.793
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		2.918.881	7.316.033
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		2.918.881	7.316.033
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chi phí lãi vay	52		1.102.498.950	2.469.519.534
Cộng chi phí tài chính	60		1.102.498.950	2.469.519.534
V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VIII.5	6.248.383.204	7.972.878.720
VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		5.116.311.846	(1.858.643.504)
VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
7.1. Chi phí khác	71		177.387.941	-
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(177.387.941)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	90		4.938.923.905	(1.858.643.504)
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		4.938.923.905	(2.776.083.515)
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	917.440.011
IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	100		1.036.566.313	183.488.003
9.1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.1	VI.12	1.036.566.313	-
9.2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	100.2		-	183.488.003
X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	200		3.902.357.592	(2.042.131.507)
XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
11.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	501	VIII.6	130	(68)

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu



Nguyễn Huy Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		4.938.923.905	(1.858.643.504)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		2.267.572.432	6.425.061.610
- Khấu hao tài sản cố định	03		1.167.992.363	1.181.955.326
- Các khoản dự phòng	04		-	2.780.902.783
- Chi phí lãi vay	06		1.102.498.950	2.469.519.534
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(2.918.881)	(7.316.033)
3. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	(917.440.011)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua Lãi/Lỗ FVTPL	19		-	(917.440.011)
4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		163.144.967.247	(22.367.225.050)
- Tăng/(Giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		-	(47.076.944.866)
- (Tăng)/Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		2.918.881	13.667.402
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		11.833.095.605	5.883.472.769
- (Tăng)/Giảm giảm các khoản phải thu khác	39		-	(28.990.000)
- Tăng/(Giảm) các tài sản khác	40		156.764.538.135	(90.091.990)
- Tăng/(Giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(16.066)	(154.250.356)
- Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	42		(307.426.471)	8.159.264.263
- (-) Lãi vay đã trả	44		(3.634.689.230)	(1.144.868.460)
- Tăng/(Giảm) phải trả người bán	45		75.676.886	12.023.426.389
- Tăng/(Giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		19.283.440	395.411.000
- Tăng/(Giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(1.175.070.623)	(953.521.829)
- Tăng/(Giảm) phải trả người lao động	48		(302.027.846)	755.088.229
- Tăng/(Giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(131.315.464)	(148.887.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		170.351.463.584	(18.718.246.955)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay gốc	73		300.000.000	5.560.000.000
1.2. Tiền vay khác	73.2	VI.10	300.000.000	5.560.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(19.185.000.000)	(8.959.000.000)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	74.3	VI.10	(19.185.000.000)	(8.959.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		(18.885.000.000)	(3.399.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm cho đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	90		151.466.463.584	(22.117.246.955)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	VI.1	108.694.846.611	103.121.301.384
- Tiền	101.1		108.524.846.611	3.121.301.384
- Các khoản tương đương tiền	101.2		170.000.000	100.000.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	VI.1	260.161.310.195	81.004.054.429
- Tiền	103.1		4.277.310.195	81.004.054.429
- Các khoản tương đương tiền	103.2		255.884.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế đầu năm cho đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		32.219.586.461	56.298.368.447
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(32.284.534.136)	(56.439.753.384)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		10.133.925.110	152.015.160
4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	08		(10.133.925.110)	(152.015.160)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(1.248.876)	(8.378.732)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		788.102.200	12.000
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(788.102.200)	(12.000)
Tăng/(Giảm) tiền thuần trong kỳ	20		(66.196.551)	(149.763.669)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		223.756.609	208.587.251
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		223.756.609	208.587.251
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		170.459.204	208.587.251
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		53.297.405	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		157.560.058	58.823.582
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		157.560.058	58.823.582
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		104.262.653	58.823.582
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		53.297.405	-

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng

Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Thay đổi trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Thuyết minh	Ngày 01/01/2025	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2025	Ngày 30/6/2024	Ngày 30/6/2025
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		306.785.002.897	-	-	-	-
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		300.000.000.000	-	-	-	-
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		6.785.002.897	-	-	-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối		15.236.012.457	733.952.008	2.776.083.515	-	-
2.1. Lợi nhuận đã thực hiện		15.969.964.465	15.852.375.478	2.776.083.515	-	-
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(733.952.008)	-	-	-	-
Cộng		322.021.015.354	733.952.008	2.776.083.515	3.902.357.592	-

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đinh Thị Vân

Phan Thị Hoài Thu

Nguyễn Huy Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Giấy phép thành lập và hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102116483 ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 31/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi và được cấp các Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

2. Địa chỉ liên hệ

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Công ty có Văn phòng đại diện tại Phòng 1110, Tầng 11 Toà nhà Deutsches Haus, số 33 Lê Duẩn, phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh.

3. Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành ngày 21 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung gần nhất ngày 21 tháng 4 năm 2025.

4. Những đặc điểm chính về hoạt động

• Quy mô vốn:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 326.539.735.967 VND, tổng tài sản là 344.020.474.414 VND.

• Mục tiêu hoạt động:

Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

• Hạn chế đầu tư:

Công ty thực hiện theo Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 và các sửa đổi bổ sung như sau:

(1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

(2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư bất động sản để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản đầu tư không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) tổng tài sản của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- (4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lộ lẽ theo yêu cầu của khách hàng;
 - Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết; quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- (5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, Công ty không phải tuân thủ các quy định tại mục c, d, e nêu trên.
- Cấu trúc Công ty:
Công ty không có công ty liên kết và không có đơn vị trực thuộc.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 32 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 36 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán: Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 2 và 4 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán chứng quyền có bảo đảm đối với công ty chứng khoán là tổ chức phát hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các thông tư hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau khi ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục "Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

5. Phân loại lại tài sản tài chính

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu thay đổi do dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ - Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý.

6. Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Bộ Tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí lãi vay của các khoản cho vay”.

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại giá trị chứng khoán.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá theo khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí quản lý công ty chứng khoán”.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn hiệu lực của hợp đồng và không quá 1 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chỉ bao gồm Máy móc, thiết bị, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 3 đến 5 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán; cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty ngoài khoản lãi/lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có). Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của các loại chứng khoán.

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả thực hiện hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản mục không có số liệu

Các khoản mục không được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số liệu.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO TÀI CHÍNH

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và các tài sản khác.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa đối với khoản mục Tiền gửi ngân hàng là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các tài sản tài chính

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản đầu tư vào các tài sản tài chính thông qua chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty. Công ty chỉ đầu tư vào các loại cổ phiếu, trái phiếu và chứng chỉ quỹ của các đơn vị có tình hình tài chính tốt, ổn định và sở hữu các thương hiệu lớn ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với các tài sản tài chính là thấp.

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu thông qua chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát có liên quan. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu hồi được. Các khoản phải thu của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một đối tượng đáng kể nào.

Ngoại trừ khoản phải thu khó đòi đã được lập dự phòng tại thuyết minh số VI.4, tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng từ 1 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.055.210.430	4.440.430
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	2.222.099.765	108.520.406.181
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	255.884.000.000	170.000.000
Cộng	260.161.310.195	108.694.846.611

2. Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
<i>Của Công ty</i>	<i>320.000</i>	<i>40.749.440.000</i>
Trái phiếu	320.000	40.749.440.000
<i>Của nhà đầu tư</i>	<i>802.757</i>	<i>9.705.135.260</i>
Cổ phiếu	802.757	9.705.135.260
Cộng	1.122.757	50.454.575.260

3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Là 475.960 trái phiếu chưa niêm yết mã HQNCH2124005 do Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn phát hành ("trái phiếu HQNCH2124005"), có giá trị ghi sổ 47.600.784.877 VND (Không thay đổi so với đầu năm).

Căn cứ Tờ trình ngày 24/5/2024 đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, tại ngày 30/5/2024 và 01/6/2024, Công ty nhận chuyển nhượng từ cá nhân 475.960 trái phiếu HQNCH2124005, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, với giá chuyển nhượng 47.600.784.877 VND, mục đích phục vụ hoạt động tự doanh. Trái phiếu này có kỳ hạn gốc 36 tháng (từ ngày 26/5/2021 đến ngày 26/5/2024), và đã được tổ chức phát hành gia hạn thành 48 tháng (Ngày đáo hạn mới: 26/5/2025), do tổ chức phát hành chưa thu xếp được nguồn tiền để thanh toán.

Trái phiếu này đã đáo hạn tại ngày 26/5/2025 nhưng cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này vẫn chưa được thanh toán. Công ty chưa có đủ thông tin để đánh giá giá trị hợp lý của trái phiếu này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4. Các khoản phải thu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu tiền lãi khoản đầu tư</i>	<i>147.024.991</i>	<i>147.024.991</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn - Phải thu lãi trái phiếu doanh nghiệp	147.024.991	147.024.991
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>-</i>	<i>155.831.000.000</i>
Trả trước tiền mua Trái phiếu (*)	-	155.750.000.000
Ông Huỳnh Minh Đức	-	42.250.000.000
Ông Trần Trung Chính	-	41.500.000.000
Bà Trần Thục Oanh	-	40.500.000.000
Ông Huỳnh Cảnh Thi	-	31.500.000.000
Các đối tượng khác	-	81.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp - Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	36.546.858.557	48.379.954.162
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	23.966.260.713	38.913.931.947
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Investment	12.492.602.741	9.395.296.840
Các đối tượng khác	87.995.103	70.725.375
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(6.627.013.261)	(6.627.013.261)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Giải trí Hưng Thịnh Quy Nhơn	(6.249.520.100)	(6.249.520.100)
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Investment	(377.493.161)	(377.493.161)
Cộng	30.066.870.287	197.730.965.892

- (*) Là các khoản tiền ứng trước Hợp đồng mua bán trái phiếu với các cá nhân. Trong kỳ, các khoản ứng trước này đã được hoàn trả lại do Công ty từ chối giao dịch.

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.627.013.261	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	2.780.902.783
Số cuối kỳ	6.627.013.261	2.780.902.783

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.190.266	232.447
Chi phí thuê văn phòng	177.605.340	85.040.340
Phí dịch vụ cung cấp thông tin	144.000.000	-
Chi phí dịch vụ phần mềm	57.329.340	81.945.359
Các chi phí khác	136.486.099	-
Cộng	518.611.045	167.218.146

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	108.948.830	219.114.372
Chi phí thiết kế, lắp đặt nội thất	153.534.866	75.771.128
Chi phí dịch vụ phần mềm	-	11.564.624
Cộng	262.483.696	306.450.124

6. Tài sản cố định hữu hình

Là Máy móc, thiết bị, chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	8.135.975.673	(4.680.859.017)	3.455.116.656
Khấu hao trong kỳ	-	(647.288.646)	(647.288.646)
Số cuối kỳ	8.135.975.673	(5.328.147.663)	2.807.828.010
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	939.822.973		
Đang chờ thanh lý	-		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

7. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy tính, chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.483.120.000	(2.899.322.930)	2.583.797.070
Khấu hao trong kỳ	-	(520.703.717)	(520.703.717)
Số cuối kỳ	5.483.120.000	(3.420.026.647)	2.063.093.353
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	483.120.000		
Đang chờ thanh lý	-		

8. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 thay thế cho Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120.000.000 VND tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới năm trước, nhưng không vượt quá 2.500.000.000 VND/năm.

Biến động khoản tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	99.873.257	97.074.187
Tổng cộng	219.873.257	217.074.187

9. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay tín chấp các cá nhân với kỳ hạn từ 1-9 tháng, lãi suất từ 5,685 - 10,948%/năm.

Chi tiết phát sinh các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Ông Vũ Tiến Dũng	20.000.000.000	-	(11.200.000.000)	8.800.000.000
Bà Đào Minh Phương	-	200.000.000	-	200.000.000
Ông Đinh Vũ Trí	2.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tuấn	3.950.000.000	-	(3.450.000.000)	500.000.000
Bà Lê Thu Yến	1.450.000.000	100.000.000	(1.090.000.000)	460.000.000
Bà Nguyễn Kim Thoa	2.600.000.000	-	(2.400.000.000)	200.000.000
Bà Trần Bảo Ngân	720.000.000	-	-	720.000.000
Bà Trần Thị Kim Oanh	1.949.000.000	-	-	1.949.000.000
Bà Trần Thị Ngọc	200.000.000	-	-	200.000.000
Bà Trần Thị Phượng	45.000.000	-	(45.000.000)	-
Cộng	32.914.000.000	300.000.000	(19.185.000.000)	14.029.000.000

10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả hoa hồng môi giới trái phiếu	810.625.206	831.693.014
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	3.110.056	3.121.321
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	365.057	1.236.276
Cộng	814.100.319	836.050.611

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Gia Tuệ	257.721.020	261.708.675
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	55.660.000	55.660.000
Các nhà cung cấp khác	149.273.318	47.658.485
Cộng	462.654.338	365.027.160

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	26.863	18.375.780	(14.351.632)	3.997.285	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.076.637.807	1.036.566.313	-	-	40.071.494
Thuế thu nhập cá nhân	304.295.625	11.174.029	858.869.935	(990.197.501)	161.794.030	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	183.387.842	(183.387.842)	-	-
Cộng	304.295.625	1.087.838.699	2.097.199.870	(1.187.936.975)	165.791.315	40.071.494

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán: Không chịu thuế
- Quà biếu tặng, phí chuyển tiền: 8% - 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.938.923.905	(1.858.643.504)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	243.907.662	257.677
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(917.440.011)
Thu nhập chịu thuế	5.182.831.567	(2.775.825.838)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.036.566.313	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	225.634.110	380.184.870
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	173.834.200	-
Cộng	399.468.310	380.184.870

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	555.815.783	3.088.006.063
Chi phí phải trả khác	17.013	33.079
Cộng	555.832.796	3.088.039.142

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Nợ khó đòi đã xử lý**

Là các khoản nợ khó đòi không thu hồi được, đã xử lý xoá sổ bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Đặng Viết Dũng	2.247.470.298	2.247.470.298
Ông Nguyễn Văn Tuấn	1.078.726.663	1.078.726.663
Ông Lý Hữu Khải	751.130.313	751.130.313
Ông Phạm Duy Khánh	434.443.808	434.443.808
Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền	377.581.851	377.581.851
Các đối tượng khác	1.164.231.119	1.164.231.119
Cộng	6.053.584.052	6.053.584.052

2. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu	2.852.404.000.000	3.091.925.600.000
Cộng	2.852.404.000.000	3.091.925.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ này	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán kỳ trước
Lãi bán					
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	147.311.221
Cộng	-	-	-	-	147.311.221
Lỗ bán					
Trái phiếu chính phủ	160.000	20.372.640.000	20.376.800.000	(4.160.000)	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	(1.139.676.000)
Cộng	160.000	20.372.640.000	20.376.800.000	(4.160.000)	(1.139.676.000)

2. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	9.528.189	1.532.247.445
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh	9.528.189	1.532.247.445
Từ các khoản cho vay và phải thu	206.815	25.061
- Tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	206.815	25.061
Cộng	9.735.004	1.532.272.506

3. Doanh thu ngoài thu nhập từ các tài sản tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu môi giới	32.369.369	20.040.211
Doanh thu lưu ký chứng khoán	16.536.463.809	20.262.691.075
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	68.181.819	-
Doanh thu khác	261.313.871	92.137.486
Cộng	16.898.328.868	20.374.868.772

4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	592.057.463	1.008.489.619
Các khoản trích theo lương	87.467.000	136.455.000
Chi phí công cụ, dụng cụ	144.008.869	456.897.053
Chi phí khấu hao tài sản cố định	676.835.178	676.835.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	862.913.866	957.301.002
Các chi phí khác	14.281.871	12.345.695
Cộng	2.377.564.247	3.248.321.997

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

5. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.169.164.595	3.673.302.971
Chi phí văn phòng phẩm	44.364.870	17.063.724
Chi phí công cụ, dụng cụ	243.140.313	320.411.880
Chi phí khấu hao tài sản cố định	400.657.181	414.620.144
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	5.000.000
Trích lập/ (Hoàn nhập) Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	2.780.902.783
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.345.103.191	761.319.541
Các chi phí khác	39.953.054	257.677
Cộng	6.248.383.204	7.972.878.720

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.902.357.592	(2.042.131.507)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.902.357.592	(2.042.131.507)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	130	(68)

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nhưng trước khi Báo cáo tài chính giữa niên độ được phép phát hành
Không có.

2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận
Không có.

3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu
Không có.

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐÔ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thưởng cụ thể như sau:

		Lương	Thù lao	Tổng
Kỳ này				
Bà Đặng Thị Lan Phương	Chủ tịch HĐQT (từ 18/4/2025)	351.623.913	24.333.333	375.957.246
Ông Phí Văn Thịnh	Chủ tịch HĐQT (đến 18/4/2025)/ Thành viên HĐQT (từ 18/4/2025)	421.395.000	12.166.667	433.561.667
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	383.204.524	12.166.667	395.371.191
Bà Ngô Thị Hằng (*)	Thành viên HĐQT (đến 18/4/2025)	-	-	-
Ông Nguyễn Huy Minh	Tổng Giám đốc	218.668.182	-	218.668.182
Ông Phạm Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	24.333.333	24.333.333
Ông Lê Trọng Quyền	Thành viên Ban Kiểm soát	-	12.166.667	12.166.667
Ông Nguyễn Văn Bảo	Thành viên Ban Kiểm soát (từ 18/4/2025)	-	12.166.667	12.166.667
Bà Trần Thị Hằng (*)	Thành viên Ban Kiểm soát (đến 18/4/2025)	-	-	-
Cộng		1.374.891.619	97.333.334	1.472.224.953
Kỳ trước				
Ông Phí Văn Thịnh	Chủ tịch HĐQT (từ 26/4/2024)	137.809.348	-	137.809.348
Bà Giáp Thị Phương	Chủ tịch HĐQT (đến 26/4/2024)	310.205.000	-	310.205.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT (từ 26/4/2024)/ Phó Tổng Giám đốc	176.162.174	-	176.162.174
Bà Ngô Thị Hằng	Thành viên HĐQT (từ 26/4/2024)	176.162.174	-	176.162.174
Ông Nguyễn Đình Ngôn (*)	Thành viên HĐQT (đến 26/4/2024)	-	-	-
Ông Bùi Minh Kết (*)	Thành viên HĐQT (đến 26/4/2024)	-	-	-
Ông Đinh Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc	392.096.739	-	392.096.739
Ông Phạm Anh Tuấn (*)	Trưởng Ban Kiểm soát (từ 26/4/2024)	-	-	-
Bà Đinh Thị Vân	Trưởng Ban Kiểm soát (đến 26/4/2024)	79.116.792	-	79.116.792
Ông Lê Trọng Quyền (*)	Thành viên Ban Kiểm soát (từ 26/4/2024)	-	-	-
Bà Trần Thị Hằng (*)	Thành viên Ban Kiểm soát (từ 26/4/2024)	-	-	-
Bà Nguyễn Quỳnh Anh (*)	Thành viên Ban Kiểm soát (đến 26/4/2024)	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thuý Dương	Thành viên Ban Kiểm soát (đến 26/4/2024)	76.247.500	-	76.247.500
Cộng		1.347.799.727	-	1.347.799.727

(*) Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát không hưởng lương trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THỦ ĐỘ

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà số 2A Đại Cồ Việt, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Trí Tín
Bà Ngô Thị Hiền

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xem xét, đánh giá và quyết định không lập Báo cáo bộ phận và trình bày thông tin này do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán. Kết quả hoạt động giữa niên độ được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ. Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam. Với các lý do nêu trên Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày Báo cáo bộ phận trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 – “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện tại của Công ty.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu



Đinh Thị Vân

Kế toán trưởng



Phan Thị Hoài Thu

Tổng Giám đốc



Nguyễn Huy Minh